

Bản án số: 421/2018/HNGĐ- ST

Ngày: 26/7/2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Lê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tụ

2. Bà Võ Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1878/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2673/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3153/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1978

Địa chỉ: 73/3 đường A, Phường N, Quận M, Thành phố H (Có đơn xin vắng mặt ngày 03/7/2018).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1986

Địa chỉ: 72Bis đường X, phường G, Quận N, Thành phố H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 19/7/2017 và lời khai Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc L trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc L và ông Nguyễn Trung H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận M, Thành phố H theo Chứng nhận kết hôn số 41/2012, quyển số 01/2012 ngày 25/7/2012.

Quá trình chung sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, thường xuyên

phát sinh mâu thuẫn do tính cách không phù hợp, không cùng quan điểm sống, chênh lệch về độ tuổi. Ông H không quan tâm đến gia đình, con cái đặc biệt sau khi bà sinh con thứ hai thì ông H đã chuyển ra ngoài sinh sống và cả hai đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Trung H.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc T, sinh ngày 07/07/2013 và Nguyễn Trần Thanh H, sinh ngày 04/10/2016. Bà là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ nhỏ đến giờ do đó bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L khai không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 1 đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Trung H và trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc L:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc L, sinh ngày 23/11/1978 được ly hôn với ông Nguyễn Trung H, sinh ngày 26/8/1986.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc T, sinh ngày 07/07/2013 và Nguyễn Trần Thanh H, sinh ngày 04/10/2016 cho bà Trần Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông H được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi giữ, việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà L chịu.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về pháp luật tố tụng:*

Bà Trần Thị Ngọc L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Trung H. Xét ông H cư trú tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân Quận 1 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị Ngọc L và ông Nguyễn Trung H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận M, Thành phố H theo Chứng nhận kết hôn số 41/2012, quyển số 01/2012 ngày 25/7/2012 nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Việc bà L và ông H không sống chung với nhau gần hai năm nay, không ai quan tâm đến ai, không còn tình cảm vợ chồng là đã có sự vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ, chồng làm cho tình cảm vợ chồng không được hàn gắn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Đồng thời quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông H, tại thông báo có nêu rõ yêu cầu khởi kiện và những tài liệu chứng cứ mà bà L giao nộp cho Tòa án, nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa án làm việc để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà L cũng như tiến hành thông báo đề ông H đến Tòa án tham gia phiên hòa giải nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do. Việc ông H không đến

Tòa án đề làm việc, đề tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm chứng tỏ ông không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình.

Như vậy lời khai của bà L về gia đình bà có mâu thuẫn, không có hạnh phúc gia đình là có cơ sở. Hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Phù hợp với Công văn số 165/CV-UBND ngày 27/3/2018 của Ủy ban nhân dân Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh xác minh về tình trạng hôn nhân của bà L và ông H. Do đó, căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[4] *Về con chung*, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống, Bà L và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc T, sinh ngày 07/07/2013 và Nguyễn Trần Thanh H, sinh ngày 04/10/2016. Xét việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom chăm sóc. Các cháu Nguyễn Trần Ngọc T và Nguyễn Trần Thanh H còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ đồng thời từ khi vợ chồng ly thân, ông H chuyển đi nơi khác sinh sống, bà L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, cuộc sống của con vẫn ổn định nên để đảm bảo về vật chất, tinh thần, sự phát triển bình thường, ổn định của con không cần thiết phải thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, yêu cầu của bà L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả hai con chung cho đến tuổi trưởng thành là chính đáng và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con theo quy định. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Trần Thị Ngọc L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 3 Điều 208; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/13/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2; 6; 7; 9; 26 và 30 của Luật Thi hành án Dân sự;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc L.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc L được ly hôn ông Nguyễn Trung H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc T, sinh ngày 07/07/2013 và Nguyễn Trần Thanh H, sinh ngày 04/10/2016 cho bà Trần Thị Ngọc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông H được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi giữ, việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc L phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0022166 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Ngọc L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Ngọc L và ông Nguyễn Trung H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. 1;
- CCTHADS Q.1;
- UBND P.N, Q.M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Lê